

Số: 104/2020/QĐST-HNGĐ

TP. S, ngày 24 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 193/2020/TLST/HNGĐ ngày 28/7/2020 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Thạch Thị Mỹ D**, sinh năm: 1989; Địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Tạm trú: Số 60, đường T, khu phố B, thị trấn T, tỉnh Đồng Nai.

- Bi đơn: Ông **Nguyễn Hải A**, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Số 171, đường K, khóm S, phường S, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14/8/2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14/8/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Thạch Thị Mỹ D và ông Nguyễn Hải A thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Mỹ D và ông Nguyễn Hải A thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Bà Thạch Thị Mỹ D và ông Nguyễn Hải A tự khai có một người con chung tên Nguyễn Hải H, sinh ngày 14/10/2011. Sau khi ly hôn bà D, ông A thống nhất giao cháu H cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

2.3 Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Nguyễn Hải Ân không cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hải H, sinh ngày 14/10/2011.

Ông Nguyễn Hải Ân có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Hải H, sinh ngày 14/10/2011, không ai được cản trở.

2.4 Về tài sản chung: Bà Thạch Thị Mỹ D và ông Nguyễn Hải Ân tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

2.5 Về nợ chung: Bà Thạch Thị Mỹ D và ông Nguyễn Hải Ân tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

2.6 Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Thạch Thị Mỹ D đồng ý chịu 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà Thạch Thị Mỹ D đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004486 ngày 16-7-2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả cho bà Thạch Thị Mỹ D số tiền án phí chênh lệch là 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh. Sóc Trăng;
- VKSND TP. S;
- Chi cục THADS TP. S;
- UBND phường S, TP. S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Định